

Thứ ba, ngày 7 tháng 5 năm 2019

Vietnam Daily Review

Chặn đà lao dốc

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/5/2019		•	
Tuần 6/5-10/5/2019		•	
Tháng 5/2019		•	

Điểm nhấn

- VN-Index tăng nhẹ vào buổi sáng. Trong phiên chiều, chỉ số quay đầu giảm nhẹ.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm BVH (+0.88 điểm); VIC (+0.39 điểm); GAS (+0.35 điểm); MSN (+0.32 điểm); SAB (+0.22 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VHM (-1.12 điểm); VCB (-0.79 điểm); HDB (-0.36 điểm); NVL (-0.31 điểm); POW (-0.25 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành Bảo hiểm và Công nghệ thông tin.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 2,419.8 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 10.19 điểm. Thị trường có 152 mã tăng và 144 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 0.41 điểm, đóng cửa tại 957.56 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.41 điểm lên 105.83 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 155.14 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VJC (115.7 tỷ), SSI (39 tỷ) và HDB (28.9 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã bán ròng 55.81 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng hồi phục nhẹ so với phiên hôm qua, kết thúc phiên sáng, chỉ số Vn-Index tăng 0.33 điểm tương đương 0.03%. Các cổ phiếu kéo thị trường giảm mạnh nhất gồm VCB, VHM, HDB, VJC. Trong phiên chiều tiếp tục đà giảm so với phiên sáng do những cổ phiếu như VCB, VHM tiếp tục giảm sâu cũng như việc nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh trên cả hai sàn. Thị trường có một phiên giảm nhẹ trong khi thị trường trong khu vực đang có những dấu hiệu tích cực, đà lao dốc có dấu hiệu chững lại nhờ tin tức về việc phái đoàn Trung Quốc tiếp tục sang Washington để đàm phán. Diễn biến không còn quá tiêu cực của thị trường chứng khoán thế giới đã giúp tâm lý nhà đầu tư trong nước dần ổn định trở lại.

Phân tích kỹ thuật:

PVD_Tích lũy

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 957.56

Giá trị: 2419.83 tỷ -0.41 (-0.04%)

Khối ngoại (ròng): 57.15 tỷ

HNX-INDEX 105.83

Giá trị: 336.11 tỷ 0.41 (0.39%)

Khối ngoại (ròng): -0.42 tỷ

UPCOM-INDEX 55.47

Giá trị: 134.58 tỷ 0.19 (0.34%)

Khối ngoại (ròng): -7.6 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	61.9	-0.59%
Giá vàng	1,283	0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,323	0.18%
Tỷ giá EUR/VND	26,084	0.19%
Tỷ giá JPY/VND	21,092	0.45%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	74.2	VJC	115.7
STB	20.1	SSI	39.0
BVH	13.2	HDB	28.9
VNM	11.5	VCB	25.7
MSN	9.0	VIC	21.5

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Cổ phiếu lớn	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
iBroker	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

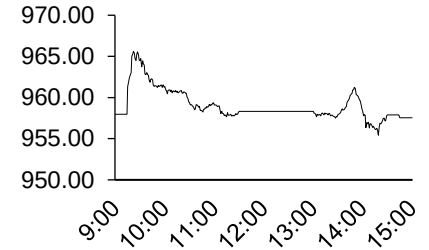
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VNM	4.1	129.5	120.00	152.60	NGƯNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VJC	2.4	117.0	106.37	123.91	NGƯNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VIC	2.1	112.6	105.00	122.40	NGƯNG MUA	Điều chỉnh trong trung hạn
GAS	1.1	108.5	95.60	114.90	NGƯNG BÁN	Tăng giá kéo dài
PNJ	0.7	101.6	97.10	103.70	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	1.3	87.9	82.10	92.00	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
VHM	2.2	87.9	87.80	96.00	NGƯNG MUA	Điều chỉnh trong trung hạn
MWG	1.1	83.9	80.60	91.00	NGƯNG BÁN	Hồi phục trong ngắn hạn
BVH	2.8	77.0	73.76	98.50	NGƯNG BÁN	Giảm giá kéo dài
PLX	1.1	61.2	59.80	63.00	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

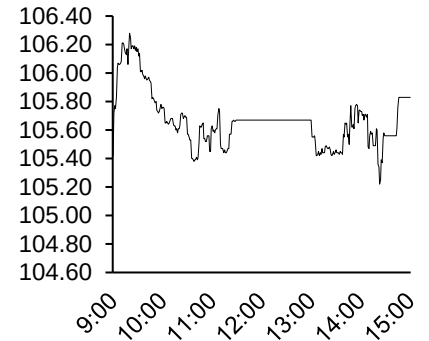
Phân tích kỹ thuật

PVD_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tích lũy trong ngắn hạn và giữ đà tăng trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Vận động đi ngang, ở trên đường trung tâm và ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trong vùng trung tính và có xu hướng vận động vào vùng mua
- Đường MA: Các đường MA tiếp tục xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu PVD đang vận động trên mức hỗ trợ 18.84 tương ứng với Fibonacci 61.8%. Chỉ báo RSI nằm trong vùng trung tính và xu hướng vận động vào vùng mua ủng hộ trạng thái tích lũy ngắn hạn. Chỉ báo MACD tiếp tục cho thấy PVD có khả năng tiếp tục tăng giá trong các phiên tiếp theo. Vận động của tất cả các đường MA tiếp tục xu hướng tăng cùng thanh khoản tiếp tục được duy trì ở mức cao cho thấy PVD sẽ tiếp tục xu hướng tích lũy ngắn hạn và giữ đà tăng trong trung hạn. Ngưỡng hỗ trợ mạnh của PVD là 17.90, mức kháng cự trong vù là 19.95 – 20.4. Có thể mở vị thế ngắn hạn cho PVD ở vùng giá 18.5 – 19.4 và chốt lời vùng giá 20.4 – 21.5, cắt lỗ nếu mất mốc 18.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1905	873.7	0.8%	26.6%
VN30F1906	870.8	0.9%	97.7%
VN30F1909	865.2	0.3%	96.8%
VN30F1912	863.0	0.7%	39.2%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	50	2.0	0.7
MSN	88	1.0	0.6
VNM	130	0.3	0.3
VIC	113	0.4	0.2
STB	12	0.4	0.1

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	26	-4	-1.2
VHM	88	-1	-0.6
NVL	57	-2	-0.5
VPB	18	-1	-0.5
TCB	23	0	-0.3

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.9	0.1%	0.8	1,616	1.1	7,159	11.7	3.7	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	101.6	-0.3%	1.0	738	0.7	6,402	15.9	4.2	49.0%	29.1%
BVH	Bảo hiểm	77.0	5.6%	1.3	2,346	2.8	1,622	47.5	3.5	24.8%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	39.5	-1.0%	0.7	397	0.3	2,459	16.1	1.3	47.6%	8.1%
VIC	Bất động sản	112.6	0.4%	1.1	15,625	2.1	1,303	86.4	6.4	9.3%	8.9%
VRE	Bất động sản	35.1	-0.3%	1.1	3,554	1.8	1,033	34.0	2.9	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.0	-1.9%	0.8	2,306	1.2	3,686	15.5	2.7	6.9%	20.8%
REE	Bất động sản	31.0	-0.2%	1.1	417	0.4	5,753	5.4	1.0	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	18.7	-2.3%	1.4	284	1.1	3,364	5.6	1.3	48.6%	25.1%
SSI	Chứng khoán	24.9	-1.2%	1.3	551	2.7	2,169	11.5	1.4	59.0%	11.9%
VCI	Chứng khoán	31.5	-5.4%	1.0	223	0.3	5,067	6.2	1.4	37.4%	24.7%
HCM	Chứng khoán	25.6	2.4%	1.5	336	0.5	2,009	12.7	1.1	56.5%	14.1%
FPT	Công nghệ	49.7	1.9%	0.9	1,332	2.3	4,467	11.1	2.3	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	46.0	1.1%	0.4	452	0.0	4,156	11.1	2.8	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	108.5	0.6%	1.5	9,029	1.1	6,092	17.8	4.7	3.7%	27.0%
PLX	Dầu khí	61.2	0.3%	1.5	3,115	1.1	3,412	17.9	3.2	11.4%	18.2%
PVS	Dầu khí	23.0	2.2%	1.7	478	5.2	2,433	9.5	0.9	26.6%	10.1%
BSR	Dầu khí	13.4	0.8%	0.8	1,806	0.6	1,163	11.5	1.3	41.1%	11.0%
DHG	Dược	116.5	-1.1%	0.6	662	0.1	4,199	27.7	5.1	54.0%	19.0%
DPM	Hóa chất	18.0	1.7%	0.7	306	0.3	1,289	14.0	0.9	22.8%	7.2%
DCM	Hóa chất	8.5	0.4%	0.7	195	0.1	978	8.7	0.8	2.8%	8.4%
VCB	Ngân hàng	65.6	-1.1%	1.3	10,578	3.1	4,367	15.0	3.3	23.7%	24.5%
BID	Ngân hàng	33.1	0.0%	1.6	4,920	1.4	2,150	15.4	2.1	3.2%	14.5%
CTG	Ngân hàng	20.4	-0.2%	1.6	3,302	1.3	1,481	13.8	1.1	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	18.3	-1.1%	1.2	1,949	0.9	2,705	6.7	1.2	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	21.5	-0.2%	1.2	1,971	1.2	2,994	7.2	1.3	20.0%	20.2%
ACB	Ngân hàng	29.5	0.3%	1.1	1,600	1.1	4,297	6.9	1.6	34.3%	27.1%
BMP	Nhựa	45.7	0.4%	0.9	163	0.1	5,279	8.7	1.5	75.5%	17.0%
NTP	Nhựa	34.9	-0.3%	0.3	135	0.0	4,066	8.6	1.3	22.2%	16.3%
MSR	Tài nguyên	18.1	0.6%	1.2	708	0.1	732	24.7	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	33.5	0.1%	1.0	3,094	4.1	3,843	8.7	1.7	39.9%	21.4%
HSG	Thép	8.2	0.0%	1.5	150	1.0	244	33.4	0.6	15.4%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	129.5	0.3%	0.7	9,805	4.1	5,349	24.2	8.0	59.3%	34.4%
SAB	Tiêu dùng	241.6	0.5%	0.8	6,736	0.1	6,479	37.3	9.6	63.4%	28.0%
MSN	Tiêu dùng	87.9	1.0%	1.2	4,445	1.3	4,545	19.3	3.4	40.6%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	17.7	0.0%	0.6	404	1.2	666	26.6	1.6	10.9%	4.1%
ACV	Vận tải	81.5	-0.5%	0.8	7,714	0.1	1,883	43.3	6.5	3.6%	15.9%
VJC	Vận tải	117.0	-0.3%	1.1	2,755	2.4	9,850	11.9	4.5	20.6%	43.3%
HVN	Vận tải	40.5	0.5%	1.7	2,497	2.2	1,747	23.2	3.2	9.6%	13.4%
GMD	Vận tải	25.9	0.6%	0.9	334	0.1	2,245	11.5	1.3	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	16.1	1.3%	0.7	196	0.1	2,387	6.7	1.2	32.9%	17.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.6	0.2%	0.9	427	0.1	6,806	9.2	3.3	2.5%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.7	3.5%	0.9	404	1.6	1,385	15.0	1.4	15.3%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.2	3.6%	0.8	285	0.3	1,744	9.9	1.2	6.2%	12.6%
CTD	Xây dựng	119.2	-0.3%	0.8	396	0.2	17,122	7.0	1.1	46.2%	16.9%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.2	509	0.4	1,106	24.0	1.8	0.0%	8.3%
CII	Xây dựng	23.5	0.0%	0.5	253	0.3	337	69.8	1.2	53.9%	1.7%
POW	Điện	13.9	-2.5%	0.6	1,415	1.1	820	16.9	1.3	14.6%	7.8%
NT2	Điện	26.8	0.2%	0.6	335	0.1	2,446	11.0	2.0	23.1%	15.5%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BVH	77.00	5.62	0.88	855180.00
VIC	112.60	0.36	0.39	421350.00
GAS	108.50	0.56	0.35	235770.00
MSN	87.90	1.03	0.32	337420.00
SAB	241.60	0.46	0.22	7320.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VGC	20.70	3.50	0.13	1.75MLN
ACB	29.50	0.34	0.12	868600.00
PVS	23.00	2.22	0.12	5.25MLN
DGC	36.40	1.68	0.04	80400.00
OCH	7.40	4.23	0.03	400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	87.90	-1.24	-1.12	576290.00
VCB	65.60	-1.06	-0.79	1.10MLN
HDB	26.10	-4.40	-0.36	1.86MLN
NVL	57.00	-1.89	-0.31	489700.00
POW	13.90	-2.46	-0.25	1.73MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DBC	22.00	-2.22	-0.03	11600.00
NVB	8.90	-1.11	-0.03	571000.00
SJ1	19.00	-9.52	-0.02	100.00
AMV	30.40	-2.88	-0.02	54700.00
PVI	39.50	-1.00	-0.01	161900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	6.95	6.76	0.00	10.00
HOT	34.50	6.65	0.01	940.00
DLG	1.46	6.57	0.01	1.83MLN
SMA	16.80	6.33	0.01	20.00
TCO	11.20	6.16	0.00	40.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.70	16.67	0.00	368100.00
PVV	0.70	16.67	0.00	293400.00
HKB	0.90	12.50	0.00	73400.00
HTC	31.90	10.00	0.02	1100.00
PPP	11.00	10.00	0.00	800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ST8	17.20	-7.03	-0.01	310.00
DXV	3.20	-6.98	0.00	10.00
NAV	9.49	-6.96	0.00	3580.00
RIC	4.69	-6.94	0.00	10.00
FDC	16.10	-6.94	-0.01	3760.00

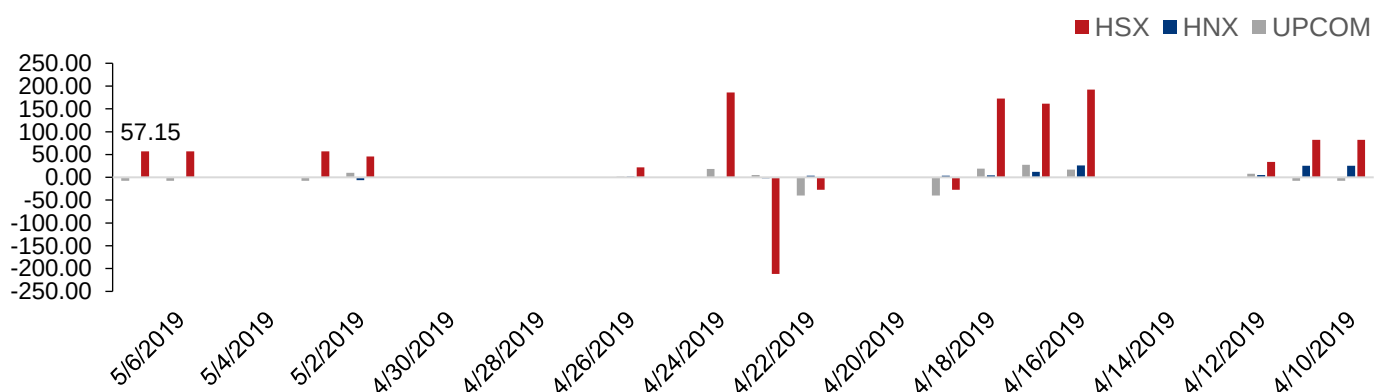
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCS	0.60	-14.29	-0.01	1.83MLN
NHP	0.70	-12.50	0.00	141500.00
PCN	9.50	-9.52	0.00	400.00
SJ1	19.00	-9.52	-0.02	100.00
STP	7.70	-9.41	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018	Phân tích ngành		Click	
3	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
4	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
9	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
11	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
16	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
20	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11 năm	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	DXG	Bất động sản	Mua	22/03/2019	22.5	30.5	18.7	3,364	5.6	1.3	Click	
2	CTD	Xây dựng	Theo dõi	22/03/2019	142.0	153.6	119.2	17,122	7.0	1.1	Click	
3	CSV	Hóa chất	Theo dõi	21/03/2019	32.3	36.6	28.9	5,748	5.0	1.5	Click	
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	21/03/2019	17.9	19.2	16.1	2,387	6.7	1.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	30.4	32.7	29.5	4,297	6.9	1.6	Click	
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	26.8	31.2	23.2	2,430	9.5	1.5	Click	
7	GMD	Cảng biển	Theo dõi	7/3/2019	27.8	29.1	25.9	2,245	11.5	1.3	Click	
8	SBT	Mía đường	Theo dõi	1/3/2019	19.8	21.2	17.7	666	26.6	1.6	Click	
9	PHR	Cao su	Theo dõi	6/3/2019	44.6	44.5	51.9	4,852	10.7	2.6	Click	
10	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	4/3/2019	89.5	91.0	87.9	4,545	19.3	3.4	Click	
11	DGW	Công nghệ	Mua	27/3/2019	23.1	27.4	22.4	2,862	7.8	1.2	Click	
12	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	38.2	8,690	4.4	1.8	Click	
13	HT1	Xây dựng	Mua	4/4/2019	16.2	18.4	17.2	1,744	9.9	1.2	Click	
14	PVI	Bảo hiểm	Mua	25/03/2019	36.0	41.7	39.5	2,459	16.1	1.3	Click	
15	HBC	Xây dựng	Theo dõi	29/3/2019	18.5	20.1	16.2	2,947	5.5	1.1	Click	
16	FPT	Công nghệ	Mua	25/04/2019	48.6	59.1	49.7	4,467	11.1	2.3	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	38.2	8,690	4.4	1.8	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	25.9	2,245	11.5	1.3	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.5	1,506	10.3	0.6	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	81.8	18,019	4.5	1.1	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTG 2019Q2	2/5/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 23975; Giá tại Publish 21200. Dự báo KQKD 2019. BSC dự báo CTG sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 32,074 tỷ VND (+11.6% yoy) và 9,070 tỷ VND (+34.8% yoy), BVPS 2019 = 19,979 VND/cp với giả định (1) tăng trưởng tín dụng của CTG sẽ ở mức thấp 8% (trần SBV = 14%), (2) tăng trưởng cho vay = 8.13% yoy, tăng trưởng huy động = 8.41% yoy, (3) NIM = 2%, cải thiện từ việc cơ cấu các khoản vay + không ghi nhận chi phí bất thường từ việc xóa lãi phải thu năm 2018, (4) NPL = 1.52%, tỷ lệ bao nợ xấu ở mức 100%. Dự báo 2019. BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 48,742 tỷ VND (+9.6% yoy) và 10,473 tỷ VND (+10.56% yoy), tương đương BVPS 2019 = 16,466 VND/cp với giả định (1) tăng trưởng tín dụng = 12%, (2) NIM = 2.71%, (3) NPL = 1.66%, tỷ lệ bao nợ xấu = 77%, (4) thu hồi nợ xấu ngoại bảng = 5,000 tỷ VND. Hiện nay, BID đang được giao dịch ở mức định giá P/E = 16x, P/B = 2.3x, cao hơn so với trung bình ngành hiện tại P/B = 1.7x.
Express BID 2019Q2	2/5/2019	
Express SJS 2019Q2	2/5/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 31183; Giá tại Publish 24150. Dự báo 2019. BSC dự báo, trong năm 2019, TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 21,075 tỷ VND (+14.9% yoy) và 11,208 tỷ VND (+5.13% yoy). Dự báo này dựa trên giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13%, bằng với hạn mức cho phép của SBV, (2) cho vay +4.8% yoy, huy động +4% yoy, (3) NIM = 4.4% từ việc tăng tỷ lệ casa và cơ cấu lại các khoản vay với lãi suất cao hơn, (4) NPL = 1.35%, tỷ lệ bao nợ xấu = 90%,
Express STB 2019Q2	2/5/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 14699; Giá tại Publish 12000. Dự báo KQKD 2019. BSC dự báo STB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 13,227 tỷ VND (+13.3% yoy) và 2,574 tỷ VND (+14.6% yoy), BVPS 2019 = 14,699 VND/cp với giả định (1) tăng trưởng tín dụng +16% yoy, (2) NIM cải thiện nhẹ lên mức 2.38%, (3) NPL = 2.1%, tỷ lệ bao nợ xấu = 70%.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

